

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẬU LỘC
Tỉnh Thanh Hóa**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 30/11/2017

*V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Lâm.

Ông Trịnh Tiến Thanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Văn Nam.

Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

Đại diện VKSND huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2017/TLST- HNGĐ ngày 16/10/2017 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H. - sinh năm 1973.

2. Bị đơn: Chị Lưu Thị Nh. - sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Thôn Ph.Th, xã Tr.L, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa: Anh H. và chị Nh. đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và trình bày của Nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh H. và chị Nh. tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 26/12/1996 tại UBND xã Tr.L, huyện Hậu Lộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh đi làm ăn xa, ở nhà chị Nh. và mẹ anh phát sinh mâu thuẫn. Từ đó chị Nh. bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 9/2009 đến nay. Sau khi biết sự việc, anh đã về động viên nhưng chị Nh. không đồng ý quay về nhà chồng sinh sống. Do còn mong muốn níu kéo hạnh phúc gia đình, nên trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, anh có nhờ các ban ngành đoàn thể, thôn xóm tổ chức hòa giải nhưng đều không thành công. Cho đến nay, vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung. Nay

xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị Nh..

- *Về con chung*: Anh H. và chị Nh. có 02 con chung, các cháu tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 28/10/1997 và Nguyễn Thị Q., sinh ngày 01/8/2001. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, chị Nh. đã có ý kiến là anh nuôi cháu L và chị Nh. nuôi cháu Q.. Ly hôn, anh H. đề nghị Tòa án giải quyết xem xét nguyện vọng của cháu Q. ở với ai. Trong trường hợp cháu Q. có nguyện vọng ở với anh thì anh không yêu cầu chị Nh. phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp cháu Q. có nguyện vọng ở chị Nh. thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung nếu chị Nh. có yêu cầu.

- *Về tài sản và nợ chung*: Anh và chị Nh. không có tài sản chung, không vay nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/11/2017, anh Nguyễn Văn H. giữ nguyên nội dung quan điểm về việc yêu cầu Tòa án giải quyết như trong Đơn khởi kiện và Bản tự khai.

2. Theo bị đơn chị Lưu Thị Nh. trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Văn H. tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 26/12/1996 tại UBND xã Tr.L, huyện Hậu Lộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H. đi làm ăn xa, ở nhà chị và mẹ chồng phát sinh mâu thuẫn. Sau đó anh H. có về nhà giải quyết chuyện gia đình nhưng anh lại đánh đuổi mẹ con chị vào ngày 30 tết âm lịch. Không chịu được, chị và con thứ hai buộc phải về nhà bố mẹ để ở từ đó cho đến nay. Vợ chồng đã ly thân từ đó. Khoảng 03 năm sau thì anh H. về nhà nói với chị quay về nhà chồng sinh sống, nhưng chị không về. Anh H. có đề nghị chính quyền địa phương can thiệp để vợ chồng được đoàn tụ, nhưng không thành. Sau khi được chính quyền địa phương hòa giải, anh H. lại tiếp tục vào miền Nam làm ăn. Thời gian ly thân đến nay, chị được biết anh H. có quan hệ bất chính với người đàn bà khác và đã có con riêng, nên giữa chị và anh H. không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đồng ý ly hôn với anh H..

- *Về con chung*: Chị và anh H. có 02 con chung, các cháu tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 28/10/1997 và Nguyễn Thị Q., sinh ngày 01/8/2001. Trong thời gian vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn, do anh H. đi làm ăn mà không gửi tiền về để chị nuôi con thì chị có ý kiến với anh H. là chị sẽ nuôi cháu Q. và anh H. có nghĩa vụ cấp tiền nuôi cháu L. Khi vợ chồng ly thân thì chị trực tiếp nuôi cháu Q. từ đó cho đến nay, còn cháu L do anh H. nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. và không yêu cầu anh H. phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu L đã trưởng thành, việc cháu ở với ai là tùy cháu.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị xác định vợ chồng có một số tài sản chung, nhưng sẽ tự thỏa thuận với anh H. hoặc giải quyết sau; vợ chồng không vay nợ của cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 09/11/2017, chị Lưu Thị Nh. giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết vụ án như trong Bản tự khai.

3. Theo Biên bản về việc lấy ý kiến đối với con chưa thành niên đủ 07 tuổi trở lên, cháu Nguyễn Thị Q. trình bày:

Hiện nay cháu đang ở với mẹ là Lưu Thị Nh.. Trong trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, vì mẹ chăm lo cho cháu ăn học từ nhỏ đến nay. Cháu không có nguyện vọng ở với bố, vì do bố mẹ cháu mâu thuẫn và ly thân đã lâu, kể từ khi mẹ và cháu bỏ về nhà ông bà ngoại ở thì bố cháu không quan tâm hoặc hỏi thăm gì đến cháu.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

* Về tố tụng: Quá trình nhận hồ sơ, thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành và tuân theo đúng quy định, những người tham gia tố tụng dân sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Căn cứ: Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H..

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H. được ly hôn chị Lưu Thị Nh..

- Về con chung: Công nhận các cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 28/10/1997 và Nguyễn Thị Q., sinh ngày 01/08/2001 là con chung của anh Nguyễn Văn H. và chị Lưu Thị Nh.. Hiện nay cháu Nguyễn Thành L đã thành niên. Giao cháu Nguyễn Thị Q. cho chị Lưu Thị Nh. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H. không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh..

Anh Nguyễn Văn H. có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn H. phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H. yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Lưu Thị Nh. là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn, bị đơn đều có địa chỉ tại thôn Ph.Th, xã Tr.L huyện Hậu Lộc nên thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn H. và chị Lưu Thị Nh. đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu vào ngày 26/12/1996 và đã được Ủy ban nhân dân xã Tr.L, huyện Hậu Lộc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Anh H. và chị Nh. đều thừa nhận thời gian anh H. đi làm ăn trong miền Nam, chị Nh. ở nhà cùng mẹ chồng đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng; chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng. đã ly thân từ năm 2010 đến nay, anh H. và chị Nh. xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, anh H. yêu cầu được giải quyết ly hôn, chị Nh. cũng đồng ý. Như vậy mâu thuẫn giữa anh H. và chị Nh. đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục hàn gắn được, đời sống chung vợ chồng thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy nên cần chấp nhận yêu cầu của anh H. và ý kiến thống nhất của chị Nh., xử cho anh H. được ly hôn chị Nh. là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn H. và chị Lưu Thị Nh. xác định có 02 con chung, các cháu tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 28/10/1997 và Nguyễn Thị Q., sinh ngày 01/08/2001. Hiện nay, cháu L đã trưởng thành và đang ở với anh H., còn cháu Q. đang ở với chị Nh.. Ly hôn, anh H. đề nghị xem xét nguyện vọng của cháu Q. ở với ai thì cũng chấp nhận. Chị Nh. có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Q. và không yêu cầu anh H. phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên, cháu Q. có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Chấp nhận và giao cháu Q. cho chị Nh. trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do chị Lưu Thị Nh. không yêu cầu anh Nguyễn Văn H. phải cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, nên chấp nhận và không xem xét.

[7] *Về tài sản và nợ chung*: Anh Nguyễn Văn H. và chị Lưu Thị Nh. không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H. phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

*** Xứ:** Vắng mặt anh Nguyễn Văn H. và chị Lưu Thị Nh.. Chấp nhận yêu cầu về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H..

- *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn H. được ly hôn chị Lưu Thị Nh..

- *Về con chung:* Công nhận các cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 28/10/1997 và Nguyễn Thị Q., sinh ngày 01/08/2001 là con chung của anh Nguyễn Văn H. và chị Lưu Thị Nh.. Hiện nay cháu Nguyễn Thành L đã thành niên. Giao cháu Nguyễn Thị Q. cho chị Lưu Thị Nh. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H. không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh..

Anh Nguyễn Văn H. có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn H. phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh H. đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002746 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Anh H. đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn H. và chị Lưu Thị Nh. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã Tr.L, Hậu Lộc.;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Hùng

